

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch
chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân (NT-02)
tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung Đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1289/SXD-QH ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân (NT-02) tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 264/TTr-BQLKKTNS&KCN ngày 08/02/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân (NT-02) tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính của phường Xuân Lâm và phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn; giới hạn cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; phía Bắc, phía Tây và phía Nam giáp đất đồi núi.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 70 ha.

2. Tính chất, chức năng

Là khu nghĩa trang phục vụ an táng tại Khu kinh tế Nghi Sơn.

3. Các chỉ tiêu cơ bản đạt được trong đồ án

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất

- Khu hung táng, diện tích 4,5 m²/mộ. Kích thước lô mộ 1,2 x 2,5 m; cách hàng 1,2m.

- Khu cát táng, diện tích 2,4 m²/mộ. Kích thước lô mộ 1,0 x 1,5 m; cách hàng 1,2m.

- Khu lưu tro cốt, diện tích ngăn lưu tro cốt 0,125 m²/mộ.

- Tỷ lệ đất cây xanh 25,5%;

- Tỷ lệ đất giao thông: 20,8%;

- Tỷ lệ đất khu vực kỹ thuật hạ tầng 0,9%.

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:

+ Nước cho nhu cầu sinh hoạt: 150 lít/người/ng.đêm;

- + Nước cho công trình công cộng: 2 lít/m²sàn/ng.đêm;
- Cấp điện:
- + Cấp điện sinh hoạt : 2100 KWh/người;
- + Cấp điện công trình công cộng: 20 W/m²sàn;
- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt; xử lý nước thải sinh hoạt = 100% lưu lượng cấp nước.
- Chỉ tiêu xử lý chất thải rắn sinh hoạt: 1 kg/người/ng.đêm.
- Rác thải: thu gom xử lý 100%.
- Giao thông:
- + Chiều rộng đường giữa các lô mộ: $\geq 3,5$ m
- + Chiều rộng đường chính: $\geq 7,0$ m

4. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất

4.1. Phân khu chức năng

a) Khu an táng

Bao gồm các khu chức năng: cát táng, chôn 1 lần, hung táng và lưu tro cốt. Tất cả các mộ đều được xây dựng theo các mẫu thiết kế định hình, quy mô diện tích khoảng 27,50 ha, chiếm 48,0% toàn khu với khoảng 83.300 lô mộ. Bố trí trồng cây xanh bóng mát dọc các trục đường chính và các tuyến đường có bề rộng lề đường >4m để không làm ảnh hưởng đến các phần mộ.

b) Khu dịch vụ:

Nghĩa trang có 3 khu dịch vụ bố trí rải rác gần với các công trình cần phục vụ trong nghĩa trang, bao gồm phục vụ khu đón tiếp, phục vụ khu hỏa táng và phục vụ khu cát táng. Diện tích khu dịch vụ khoảng 0,94 ha, chiếm 1,6% toàn khu, mật độ xây dựng từ 30% đến 40%, chiều cao 1-2 tầng.

c) Khu hành chính:

Khu hành chính bố trí gần cổng chính phía Đông khu đất, bao gồm khu quản trang và khu bảo vệ. Diện tích khu hành chính khoảng 0,38 ha, chiếm 0,7% toàn khu, mật độ xây dựng từ 20% đến 30%, chiều cao 1-2 tầng.

d) Khu hỏa táng, hành lễ:

Khu hỏa táng bố trí phía gần khu mộ hiện trạng; Khu hành lễ bố trí rải rác gần với các công trình cần phục vụ trong nghĩa trang, bao gồm phục vụ khu

hung táng, phục vụ khu cát táng; Khu tượng đài bố trí trong khu nghĩa trang, bao gồm tượng đài khu hung táng và khu thờ thần thổ địa. Diện tích khu hỏa táng, hành lễ khoảng 1,46 ha, chiếm 2,6% toàn khu, mật độ xây dựng từ 5% đến 20%, chiều cao tượng đài < 15m và chiều cao khu thờ thổ địa 1-2 tầng.

e) Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Nghĩa trang có 3 khu xử lý nước thải tại 3 vị trí dọc kênh Khe Dầu, cuối hướng thoát nước, phục vụ cho xử lý nước thải sinh hoạt và xử lý nước rỉ thải từ khu an táng. Khu phía Đông Bắc đặt trạm xử lý nước thải số 1; Khu trung tâm đặt trạm xử lý nước thải số 2; Khu phía Tây Nam đặt hồ điều hòa xử lý nước mưa cho khu cát táng. Ngoài ra còn đất bố trí hạ tầng kỹ thuật khác như cấp thoát nước, cấp điện... Tổng diện tích đất hạ tầng kỹ thuật khoảng 0,50 ha, chiếm 0,9% toàn khu.

f) Đất cây xanh:

Nghĩa trang có các khu cây xanh bố trí rải rác trong nghĩa trang, bao gồm: cây xanh cách ly bố trí xung quanh khu đất; cây xanh cảnh quan bố trí dọc các bờ kênh; cây xanh bồn hoa bố trí tại các vị trí ven đường giao thông, gần khu cát táng tạo mỹ quan cho nghĩa trang. Diện tích khu cây xanh, mặt nước khoảng 14,6 ha, chiếm 25,5% toàn khu.

g) Đất giao thông:

Nghĩa trang có hệ thống đường giao thông và bãi đỗ xe bố trí rải rác trong các khu vực bao gồm: bãi đỗ xe khu hành chính và đón tiếp tại cổng chính; bãi đỗ xe tại khu hỏa táng; bãi đỗ xe tại khu hành lễ cát táng và các bãi đỗ xe phân bố đều trên các khu vực an táng. Diện tích giao thông và bãi đỗ xe khoảng 11,7 ha, chiếm 20,5% toàn khu.

h) Đất khác.

Rừng phòng hộ: Theo quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2025 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017, có khoảng 9,854 ha đất đang được nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Nghi Sơn quản lý thuộc Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 phê duyệt tại Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 18/8/2021.

Mặt nước: Nghĩa trang có hệ thống kênh, nhánh kênh, đập Khe Dầu tự nhiên dọc theo hướng từ Tây Nam chảy về phía Đông Bắc, được cải tạo khơi thông dòng chảy, kiên cố mái taluy đảm bảo thoát lũ và tạo cảnh quan khu vực.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Số lô mộ	Diện tích (m ²)	Số lô mộ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
		Duyệt năm 2008		Điều chỉnh, mở rộng năm 2022		
I	Đất xây dựng nghĩa trang				572.990,9	
1	Đất an táng	26.117	179.694,8	83.300	275.016,7	48,0
2	Đất dịch vụ		9.148,0		9.432,0	1,6
3	Đất hành chính		2.358,0		3.766,5	0,7
4	Đất hỏa táng, hành lễ		11.125,0		14.617,4	2,6
5	Đất hạ tầng kỹ thuật		3.375,0		5.055,3	0,9
6	Đất cây xanh		227.107,0		145.900,3	25,5
7	Đất giao thông, bãi đỗ xe		26.771,0		119.202,7	20,8
II	Đất khác		47.289,0		126.206,6	
	Tổng diện tích		509.657,0		699.197,5	100,0

5. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

Cấu trúc không gian nghĩa trang được kiến tạo trên cơ sở không gian cảnh quan tự nhiên mang nét đặc trưng của khu vực ven đồi có suối, có sườn dốc và có các khu đất bằng. Hệ thống xương không gian ngoài trục giao thông chính dành cho xe tang vào khu vực mộ hung táng là một đường khép kín, còn lại tất cả các tuyến giao thông khác đều bám sát địa hình theo hai hướng là bình đồ tuyến lượn cong theo đường đồng mức địa hình, và có trắc dọc uốn theo cao độ của các khu đất gắn kết các khu chức năng chủ yếu của nghĩa trang. Để định dạng các khu chức năng, đồng thời xác định các hướng chính của khu mộ hung táng và cát táng.

- Phần nghĩa trang hiện trạng: tuân thủ thiết kế nghĩa trang duyệt năm 2011 đã triển khai xây dựng. Bố trí Khu mộ hung táng và Khu hỏa táng.

+ Khu hỏa táng, đài hoá thân, tháp cốt, nhà lưu cốt được bố trí ở bên hồ Khe Dầu và trên mỏm đồi thấp bên đập tràn.

+ Khu hành lễ, nhà thờ thổ địa, nhà sang cốt, đài tưởng niệm được bố trí ở phía Bắc trục đường vào nghĩa trang, phía Tây suối Khe Dầu.

- Phần điều chỉnh, mở rộng: Phần mộ cát táng theo 2 hướng theo trục Bắc - Nam và Đông Tây.

+ Khu cải táng, chôn 1 lần bố trí sát sườn đồi phía Tây khu đất.

+ Khu cát táng được bố trí ở khu vực đồi thấp ven các khe suối và khu ven đồi, có độ dốc <10% được bố trí theo hướng Tây, Tây Bắc - Đông, Đông Nam thuận theo trục thần đạo của cuộc đất xây dựng nghĩa trang (phong tục dân gian là khi an táng thì đầu gối núi, chân đạp biển).

+ Khu dịch vụ tang lễ, nhà quản trang, nhà đón tiếp, vườn hoa, khuôn viên được bố trí riêng biệt phía Đông Nam hồ Khe Dầu gắn với trục đường chính vào nghĩa trang.

+ Khu Nhà lưu tro cốt đặt tại trung tâm khu đất mộ cát táng phía Đông Nam.

+ Các khu chức năng được liên kết với nhau bởi mạng giao thông các dải cây xanh ven khe suối tự nhiên.

+ Khu phụ trợ, bãi đỗ xe được bố trí ở ngay cổng vào nghĩa trang và rải rác các vị trí trong khu vực mộ cát táng, nhằm thuận tiện cho nhân dân thăm viếng các dịp lễ tết, giỗ chạp...

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông

Quy hoạch hệ thống giao thông phù hợp với đặc điểm địa hình và san nền cục bộ. Bao gồm các loại đường với quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Đường giao thông hiện trạng cải tạo:

+ Đường chính mặt cắt 1a-1a: lòng đường 7,5m+vĩa hè 2x3,0m=13,5m.

+ Đường chính mặt cắt 2a-2a: lòng đường 7,5m+vĩa hè 2x1,0m=9,5m.

+ Đường nhánh mặt cắt 3a-3a: lòng đường 5,5m+vĩa hè 2x1,0m=7,5m.

+ Đường nhánh mặt cắt 4a-4a: lòng đường 3,5m+vĩa hè 2x0,5m=4,5m.

+ Đường nhánh mặt cắt 5a-5a: lòng đường 2,0 m+vĩa hè 2x0,5m=3,0m.

- Đường giao thông quy hoạch mới:

+ Đường chính mặt cắt 1b-1b: lòng đường 2x7,5 m + phân cách 2,0m + vĩa hè 2x1,5m = 20,0m.

+ Đường chính mặt cắt 1c-1c: lòng đường 10,5m+vĩa hè 2x1,0m=12,5m.

+ Đường chính mặt cắt 1d-1d: lòng đường 12,0 m+vĩa hè 2x1,0m=14,0m.

+ Đường chính mặt cắt 2b-2b: lòng đường 7,5m+vĩa hè 2x1,0m= 9,5m.

+ Đường nhánh mặt cắt 3b-3b: lòng đường 3,5m+vĩa hè 2x0,5m=4,5m.

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) Quy hoạch san nền

- Tuân thủ nguyên tắc san nền cục bộ theo điều kiện tự nhiên, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp, không can thiệp vào dòng chảy của các khe suối tự nhiên. Một số khu vực mới phải đầu tư xây dựng các kè chắn đất để chống xói mòn vào mùa mưa lũ. Với hướng san nền từ Tây sang Đông, độ dốc san nền từ 0,05% ÷ 5%.

- Khu vực phía Tây Bắc kênh Khe Dầu: Cao độ san nền cao nhất +15,75 m, cao độ san nền thấp nhất +8,50 m.

- Khu vực phía Đông Nam kênh Khe Dầu: Cao độ san nền cao nhất +14,50 m, cao độ san nền thấp nhất +8,50 m.

b) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Quy hoạch riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải. Với nguyên tắc thoát nước theo độ dốc tự nhiên đổ vào các khe suối trong khu vực.

- Mạng lưới phân tán để giảm kích thước đường cống. Độ dốc dọc lấy tối thiểu khoảng $i \sim 0,3\%$ và độ sâu chôn cống ban đầu $H \geq 0,5m$. Giếng thu kiểu trực tiếp có khoảng cách 30÷60m.

- Phía Tây Bắc dọc tuyến ranh giới giáp đất rừng hiện trạng bố trí các mương hở $B=2,0$ m. Tuyến đường giao thông của nghĩa trang sử dụng mương nắp đan B400 và B700.

- Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến hố ga giếng thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật. Cửa xả tại các vị trí mương dọc kênh Khe Dầu.

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nhu cầu dùng nước trung bình của khu vực là: 60 m³ /ngđ.

- Nguồn nước cấp được đầu nối với đường ống D225 nằm dọc tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, cấp từ Nhà máy nước tại hồ Hao Hao theo quy hoạch.

- Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0.7m. Mạng lưới cấp nước mạng vòng với ống phân phối và mạng cụt đối với ống dịch vụ. Trên mạng bố trí các trụ cứu hoả với khoảng cách trung bình 100-150m/trụ.

6.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn khu khoảng: 520KVA
- Nguồn cấp: được lấy từ Trạm biến áp 110kV Tỉnh Gia 2 (công suất 2x63MVA) cách khu đất lập quy hoạch khoảng 1,0 km về phía Tây Nam.
- Trạm biến áp: xây dựng các trạm biến áp có công suất theo từng giai đoạn đầu tư, với tổng công suất 560KVA 22/0,4 KV.
- Đường điện 0,4 KV bố trí trên các trục đường chính trong nghĩa trang. Lắp đặt các hộp cầu dao trên các cột điện chiếu sáng để lấy điện chiếu sáng phục vụ cho việc bốc và xây cất mộ. Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ các trạm biến áp đi ngầm dọc theo các trục đường giao thông nội khu cấp tới các tủ gom.
- Hệ thống chiếu sáng: được bố trí trên các trục đường chính trong khu nghĩa trang.

6.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hệ thống thoát nước thải.

Nước thải được thu gom và xử lý đạt 100% lượng nước cấp, trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: với lưu lượng 60 m³/ng.đ, được thiết kế là hệ thống cống tròn đặt ngầm dưới vỉa hè. Trên hệ thống cống thu gom bố trí các giếng thăm chờ để đầu nổi. Nước thải sinh hoạt từ công trình dân dụng (nhà dịch vụ, nhà hỏa táng, nhà hành lễ, nhà điều hành, nhà bảo vệ...) được xử lý cục bộ qua bể tự hoại công trình. Sau đó, nước được thu gom qua các ống PVC D100, D150 dẫn về khu xử lý nước thải tập trung số 2 đặt tại khu nhà quản trang. Sau khi xử lý, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, xả ra tại các vị trí dọc kênh Khe Dầu.

- Nước thải từ khu mộ: với lưu lượng khoảng 37,3 m³/ng.đ nước ngầm rỉ thải từ khu mộ hung táng và chôn cất 1 lần và khoảng 8,13 m³/ng.đ nước ngầm rỉ thải từ các khu mộ cát táng sẽ được xử lý triệt để. Toàn bộ các lô đất này, trước khi san lấp sử dụng lớp đất đồi tự nhiên (hoặc nếu cường độ không đạt thì đắp đất sét dày khoảng 0,6m) làm lớp chống thấm, tại cao độ -1,5m so với cao độ san nền, tạo độ dốc khoảng 0,05% về phía ống thu chính và tạo độ dốc cục bộ 1% đoạn ống thu gom nước rỉ thải phân huỷ tử thi và nước rửa cốt khi sang cốt. Nước rỉ thải qua ống PVC dẫn về khu xử lý nước thải đặt ở cuối hệ thống thu gom. Sau khi xử lý, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, xả ra kênh Khe Dầu.

- Đầu tư mới 02 trạm xử lý nước thải gồm:

+ Trạm xử lý nước thải số 1, công suất khoảng 40 m³/ng.đ để xử lý nước rỉ thải từ các khu mộ Hung táng và Chôn cất 1 lần.

+ Trạm xử lý nước thải số 2, công suất khoảng 70 m³/ng.đ để xử lý nước thải sinh hoạt và nước rỉ thải từ các khu mộ cát táng.

b) Vệ sinh môi trường:

- Rác thải sinh hoạt khu công cộng: bao gồm rác hữu cơ và rác vô cơ. Rác thải hữu cơ được thu gom, ủ làm phân bón cây và rác thải vô cơ được thu gom chuyển cho đơn vị môi trường chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung.

- Rác thải khu an táng: là các loại rác hữu cơ khô (vàng mã, vòng hoa, que hương,...) sẽ được tiêu hủy tại vị trí quy định của nghĩa trang.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Xây dựng các hệ thống thoát nước một cách phù hợp và khoa học.

- Đảm bảo nước mưa từ khu vực nghiên cứu quy hoạch không chảy ra đất tại các khu vực xung quanh làm ô nhiễm đất.

- Giám sát chặt chẽ các loại rác thải, nước thải.

8. Giải pháp tái định cư

- Tổng số hộ cần di dời tái định cư với 197 hộ, tương đương với khoảng 800 người, trong đó:

+ Phường Nguyễn Bình (tổ dân phố Xuân Nguyên) có 105 hộ (25 hộ trong ranh giới quy hoạch, 80 hộ trong phạm vi ảnh hưởng), tương đương với khoảng 420 người

+ Phường Xuân Lâm (tổ dân phố Sa Thôn 4) có 92 hộ (82 hộ trong ranh giới quy hoạch, 10 hộ trong phạm vi ảnh hưởng), tương đương với khoảng 380 người.

- Diện tích khu tái định cư cần là:

+ Phường Nguyễn Bình: khoảng 2,52ha.

+ Phường Xuân Lâm: khoảng 2,28ha.

- Vị trí dự kiến tái định cư: Việc tái định cư cần hạn chế di chuyển sang các đơn vị hành chính khác, vừa thuận lợi công tác quản lý hành chính, vừa phù hợp tập quán định cư của người dân. Dự kiến có 2 vị trí cần tái định cư thuộc địa bàn 2 phường Xuân Lâm và Nguyễn Bình như sau:

+ Khu 1 tái định cư phường Nguyễn Bình thuộc đơn vị ở số 1, khu đô thị số 5. Diện tích tối thiểu: 2,52 ha.

+ Khu 2 tái định cư phường Xuân Lâm thuộc đơn vị ở số 3, khu đô thị số 1. Diện tích tối thiểu: 2,28 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN có trách nhiệm:

- Phối hợp với UBND thị xã Nghi Sơn tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát và thực hiện.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 phân khu tỷ lệ 1/2000 Nghĩa trang nhân dân (NT-02), Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá cho địa phương, các cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng liên quan theo quy định, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với UBND thị xã Nghi Sơn tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tim tuyến, lộ giới các trục giao thông chính...) theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng, UBND thị xã Nghi Sơn và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo đúng quy hoạch và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H3.(2023)QDPD nghĩa trang NS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm